

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 467/2023/DS-ST  
Ngày 11-9-2023  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Phạm Thị Gấm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Thiệu Liên;
- Bà Bùi Diệu Huệ.

**Thư ký phiên tòa:** ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** bà Hồ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2022/TLST - DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2023/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Z.

Người đại diện theo pháp luật: ông H.N.V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông N.V.Đ (văn bản ủy quyền số x ngày 11 tháng 7 năm 2023). (có mặt)

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Z.

- Bị đơn:**

- Ông N.V.A, sinh năm: 1985 (vắng mặt).**

Địa chỉ: Phường D, Quận E, Thành phố Z.

- Bà P.T.T.N, sinh năm: 1985 (vắng mặt).**

Địa chỉ: Phường G, Quận E, Thành phố Z.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L.B.T, ông N.V.Đ trình bày:*

Ông N.V.A và bà P.T.T.N vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0239.HĐTD.VIB623.17 với số tiền giải ngân là 600.000.000 đồng, mục đích vay mua 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, thời hạn vay: 96 tháng (từ ngày 23/8/2017 đến ngày 22/8/2025). Ngân hàng đã giải ngân cho ông N.V.A và bà P.T.T.N số tiền 600.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0239.HĐTC.VIB623.17 ngày 22/8/2017.

Lãi suất: lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.09%/năm, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm 360 ngày sang cơ sở một năm 365 ngày là 8.20%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng trong 12 (mười hai) tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 (ba) tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4.09%/năm. Nếu pháp luật có quy định, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày sẽ được xác định theo công thức sau: lãi suất quy đổi bằng (=) mức lãi suất cho vay với một năm có 360 ngày chia (/) 360 nhân (x) 36, hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng trả 6.250.000 đồng vào cùng ngày trả lãi hoàn trả lãi hàng tháng trả vào ngày 22 kỳ trả nợ đầu tiên ngày 22/9/2017, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 26/7/2018, Ngân hàng tiếp tục ký kết với ông N.V.A và bà P.T.T.N hợp đồng tín dụng mua ô tô tiêu dùng số 0288.HĐTD.VIB623.18 ngày 26 tháng 7 năm 2018 với số tiền giải ngân là 398.000.000 đồng; mục đích để mua 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios; thời hạn vay: 96 tháng (từ ngày 26/7/2018 đến ngày 26/7/2026). Ngân hàng đã giải ngân cho ông N.V.A và bà P.T.T.N số tiền 398.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0288.KUNN.VIB623.18 ngày 26/7/2018.

Lãi suất: lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.39%/năm (là lãi suất ưu đãi so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ cộng (+) với biên độ 3.09%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 (mười hai) tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, thì lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 (ba) tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.09%/năm; hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng trả 4.146.000 đồng vào cùng ngày trả lãi, phần còn lại trả cuối kỳ; ngày hoàn trả lãi, hàng tháng trả vào ngày 26, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 26/8/2018 trả phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 31/5/2019, Ngân hàng ký kết với ông N.V.A và bà P.T.T.N hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng số 7505637.19 với số tiền giải ngân là 220.000.000 đồng, mục đích sửa chữa nhỏ (không thay đổi kết cấu) và mua sắm trang thiết bị mới cho căn nhà tại địa chỉ số Phường D, Quận E, Thành phố Z, thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 04/6/2019 đến ngày 04/6/2024). Ngân hàng đã giải ngân cho ông

N.V.A và bà P.T.T.N số tiền 220.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7505637(1).19 ngày 04/6/2019.

Lãi suất: lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11.6%/năm, lãi suất này sẽ được Ngân hàng chủ động điều chỉnh 03 (ba) tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng (+) biên độ 3.2%/năm, hoàn trả khoản tín dụng gốc hàng tháng vào ngày 04, mỗi tháng trả 3.667.000 đồng, tháng cuối trả số còn lại, ngày trả lãi hàng tháng vào ngày 04, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 04/7/2019; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, ông N.V.A và bà P.T.T.N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể từ ngày 23/3/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17, số 0288.HĐTD.VIB623.18 và số 7505637.19.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Tân buộc ông N.V.A và bà P.T.T.N trả số tiền (tạm tính đến ngày 22/02/2023) là: 1.438.377.795 đồng dựa trên các dư nợ theo các hợp đồng tín dụng nói trên. Bên cạnh đó, tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 23/02/2023 cho đến khi ông A và bà N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Ông N.V.Đ là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông N.V.A và bà P.T.T.N trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 1.534.989.196 đồng dựa trên dư nợ theo các hợp đồng tín dụng:

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17 ngày 19/8/2017 là 697.156.259 đồng (sáu trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 412.173.759 đồng (bốn trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn là 4.283.239 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi ba nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 280.699.260 đồng (hai trăm tám mươi triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0288.HĐTD.VIB623.18 ngày 26/7/2018 là 535.609.478 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 318.781.000 đồng (ba trăm mười tám nghìn bảy trăm tám mươi một nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 2.705.638 đồng (hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) và nợ lãi quá hạn là 214.122.840 đồng (hai trăm mười bốn triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 7505637.19 ngày 31/5/2019 là 302.223.460 đồng (ba trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng). Trong đó, nợ gốc là 186.450.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 1.088.170 đồng (một triệu không trăm tám mươi tám nghìn một trăm bảy mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 114.685.290 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi đồng).

Yêu cầu bị đơn tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 12/9/2023 cho đến khi ông N.V.A và bà P.T.T.N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Buộc ông A và bà N trả số tiền gốc và lãi tổng cộng tạm tính đến ngày xét xử là 1.534.989.196 đồng.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:*

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2023 là 1.534.989.196 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi sáu đồng), cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17 ngày 19/8/2017 là 697.156.259 đồng (sáu trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 412.173.759 đồng (bốn trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn là 4.283.239 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi ba nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 280.699.260 đồng (hai trăm tám mươi triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Hợp đồng tín dụng số 0288.HĐTD.VIB623.18 ngày 26/7/2018 là 535.609.478 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 318.781.000 đồng (ba trăm mười tám nghìn bảy trăm tám mươi một nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 2.705.638 đồng (hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) và nợ lãi quá hạn là 214.122.840 đồng (hai trăm mười bốn triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Hợp đồng tín dụng số 7505637.19 ngày 31/5/2019 là 302.223.460 đồng (ba trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng). Trong đó, nợ gốc là 186.450.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 1.088.170 đồng (một triệu không trăm tám mươi tám nghìn một trăm bảy mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 114.685.290 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi đồng).

Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1 Quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô, cho vay tiêu dùng nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: bị đơn ông N.V.A cư trú tại số Phường D, Quận E, Thành phố Z và bà P.T.T.N cư trú tại số Phường G, Quận E, Thành phố Z.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3 Thủ tục tố tụng: ông N.V.A và bà P.T.T.N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông N.V.A và bà P.T.T.N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không có yêu cầu phản tố theo quy định tại Điều 5, 200, 201 và 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Mặt khác, các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án đưa cá nhân, cơ quan, tổ chức nào khác vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác theo quy định tại Chương VI của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S buộc ông N.V.A và bà P.T.T.N thanh toán tổng số tiền (tạm tính đến ngày 11/9/2023) là 1.534.989.196 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó:

Theo hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17 ngày 19/8/2017 là 697.156.259 đồng (sáu trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 412.173.759 đồng (bốn trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn là 4.283.239 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi ba nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 280.699.260 đồng (hai trăm tám mươi triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Theo hợp đồng tín dụng số 0288.HĐTD.VIB623.18 ngày 26/7/2018 là 535.609.478 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 318.781.000 đồng (ba trăm mười tám nghìn bảy trăm tám mươi một nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 2.705.638 đồng (hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) và nợ lãi quá hạn là

214.122.840 đồng (hai trăm mười bốn triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Theo hợp đồng tín dụng số 7505637.19 ngày 31/5/2019 là 302.223.460 đồng (ba trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng). Trong đó, nợ gốc là 186.450.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), nợ lãi trong lãi là 1.088.170 đồng (một triệu không trăm tám mươi tám nghìn một trăm bảy mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 114.685.290 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17 ký kết ngày 19/8/2018, hợp đồng tín dụng số 0288.HĐTD.VIB623.18 ký kết ngày 26/7/2018 và hợp đồng tín dụng số 7505637.19 ngày 31/5/2019, về chủ thể Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, ông N.V.A và bà P.T.T.N có đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được thành lập thành văn bản tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[2.2] Xét, yêu cầu của nguyên đơn (Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 917.404.759 đồng (chín trăm mười bảy triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng). Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, ông N.V.A và bà P.T.T.N đã trả trước thời hạn số tiền gốc là 300.595.241 đồng (ba trăm triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi một đồng). Trong đó, hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17 là 187.826.241 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi một đồng), hợp đồng tín dụng số 0288.HĐTD.VIB623.18 là 79.219.000 đồng (bảy mươi chín triệu hai trăm mười chín nghìn đồng) và hợp đồng tín dụng số 7505637.19 là 33.550.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ lại số tiền 917.404.759 đồng (chín trăm mười bảy triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng).

Đối với hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17, theo thỏa thuận tại mục 1.5 của hợp đồng tín dụng và mục 1.4 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng) thì kỳ trả nợ là ngày 22 (hai mươi hai) hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 22/9/2017 nhưng đến ngày 23/3/2020 ông N.V.A và bà P.T.T.N không thanh toán nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0288.HĐTD.VIB623.18, theo thỏa thuận tại mục 1.5 của hợp đồng và mục 1.4 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng) thì kỳ trả nợ là ngày 26 (hai mươi sáu) hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 26/8/2018), nhưng đến ngày 23/3/2020 ông N.V.A và bà P.T.T.N không thanh toán nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 7505637.19, theo thỏa thuận tại mục 1.5 hợp đồng và mục 1.4 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng) thì kỳ trả nợ là ngày 04 (bốn) hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 04/07/2019, nhưng đến ngày 23/3/2020 ông N.V.A và bà P.T.T.N không thanh toán nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Xét, số tiền nợ lãi:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...”*

Về lãi suất trong hạn:

Đối với hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17, theo thỏa thuận tại mục 1.4 của hợp đồng và mục 1.4 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng), lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân cho đến ngày 22/8/2018 là 8.09%/năm. Mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 8.20%. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng trong 12 (mười hai) tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 (ba) tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4.09%/năm. Đến ngày 11/9/2023 lãi suất trong hạn được áp dụng là 12.89%/năm.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0288.HĐTD.VIB623.18, theo thỏa thuận tại mục 1.4 của hợp đồng và mục 1.4 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng), lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân cho đến ngày 27/7/2019 là 9.39%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ cộng (+) biên độ 3.09%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 (mười hai) tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.09%/năm. Đến ngày 11/9/2023 lãi suất trong hạn được áp dụng là 12.89%/năm.

Đối với hợp đồng tín dụng số 7505637.19, theo thỏa thuận tại mục 1.4 của hợp đồng và mục 1.4 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng), lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân cho đến ngày 22/3/2020 là 11.6%/năm. Lãi suất này sẽ được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chủ động điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.2%/năm. Đến ngày 11/9/2023 lãi suất trong hạn được áp dụng là 11.80%/năm.

Về lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại điểm g mục 1.4 Điều 1 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm các hợp đồng tín dụng) bằng 150% của lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (không tính theo lãi suất của chương trình ưu đãi/khuyến mãi), và được tính từ ngày khoản tiền dư nợ gốc đó

đến hạn phải thanh toán cho đến ngày ông N.V.A và bà P.T.T.N thanh toán đầy đủ khoản tiền dư nợ gốc đó cho Ngân hàng.

Như vậy, thỏa thuận trong hợp đồng về lãi suất giữa Ngân hàng với ông N.V.A và bà P.T.T.N phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nguyên đơn đã cung cấp các Quyết định về việc ban hành các Biểu lãi suất huy động tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân trước khi ký các hợp đồng tín dụng nên ông N.V.A và bà P.T.T.N đã có thông tin về việc cho vay và lãi suất cho vay, đã được đảm bảo về quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Đối chiếu vào Bảng tính lãi (tính đến ngày 11/9/2023) đối với hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17 thì nợ lãi trong hạn là 4.283.239 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi ba nghìn hai trăm ba mươi chín đồng); nợ lãi quá hạn là 280.699.260 đồng (hai trăm tám mươi triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng); đối với hợp đồng tín dụng số 0288.HĐTD.VIB623.18 thì nợ lãi trong hạn là 2.705.638 đồng (hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 214.122.840 đồng (hai trăm mười bốn triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi đồng) và hợp đồng tín dụng số 7505637.19 thì nợ lãi trong hạn là 1.088.170 đồng (một triệu không trăm tám mươi tám nghìn một trăm bảy mươi đồng), nợ quá hạn là 114.685.290 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất được tính và điều chỉnh theo từng thời kỳ, phù hợp với lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng với các quy định của pháp luật. Đến nay, bị đơn chưa thanh toán nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trên là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: ông N.V.A và bà P.T.T.N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền nợ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông N.V.A và bà P.T.T.N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền (tạm tính đến ngày 11/9/2023) là 1.534.989.196 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc là 917.404.759 đồng (chín trăm mười bảy triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn là 8.077.047 đồng (tám triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 609.507.390 đồng (sáu trăm lẻ chín triệu năm trăm lẻ bảy nghìn ba trăm chín mươi đồng). Phát sinh từ các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17 ngày 19/8/2017 là 697.156.259 đồng (sáu trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 412.173.759 đồng (bốn trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn là 4.283.239 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi ba nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 280.699.260 đồng (hai trăm tám mươi triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Hợp đồng tín dụng số 0288.HĐTD.VIB623.18 ngày 26/7/2018 là 535.609.478 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 318.781.000 đồng (ba trăm mười tám nghìn bảy trăm tám mươi một nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 2.705.638 đồng (hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) và nợ lãi quá hạn là 214.122.840 đồng (hai trăm mười bốn triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Hợp đồng tín dụng số 7505637.19 ngày 31/5/2019 là 302.223.460 đồng (ba trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng). Trong đó, nợ gốc là 186.450.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 1.088.170 đồng (một triệu không trăm tám mươi tám nghìn một trăm bảy mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 114.685.290 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0239.HĐTD.VIB623.17 ngày 19/8/2017, hợp đồng tín dụng số 0288.HĐTD.VIB623.18 ngày 26/7/2018 và hợp đồng tín dụng số 7505637.19 ngày 31/5/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông N.V.A và bà P.T.T.N phải chịu 58.049.676 đồng (năm mươi tám triệu không trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 22.515.992 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm mười lăm nghìn chín trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0009742 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Viện Kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Gấm**